TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2022/KDTM-ST
Ngày: 10- 01 - 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ

2. Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2013/TLST-KDTM ngày 24 tháng 10 năm 2013, về tranh chấp "hợp đồng thuê tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2021/QĐXXST-KDTM ngày 25/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 124/2021/QĐST-DS ngày 22/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Thiết bị xây dựng Đ (tên cũ: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đ)

Trụ sở chính: Số 41 đường T, Phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Quách Vạn Đ; Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn; Ông Phạm Tấn P, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 61 đường H, Phường F, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy uỷ quyền ngày 16/7/2018).

2. Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại HPT.

Trụ sở chính: Số 258/7/36 đường B, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Anh T, sinh năm 1978; Chức danh: Giám đốc; Địa chỉ: Số 258/7/36 đường B, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của bị đơn.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần Thiết bị xây dựng Đ (tên cũ: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đ) (Bên A) và Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại HPT (Bên B) có ký 03 hợp đồng thuê thiết bị xây dựng gồm:

1/ Hợp đồng thuê thiết bị xây dựng số 01/2011/HĐKT/HƯNG PHÁT TIẾN ngày 22/3/2011 với thỏa thuận: Bị đơn thuê thiết bị xây dựng để phục vụ thi công công trình là 300 Khung 0m90, với tổng giá trị hợp đồng là 4.906.000 đồng, thời hạn thuê dự kiến là 180 ngày, thời gian thuê tối thiểu là 60 ngày, thời gian thuê thực tế được xác định kể từ ngày bên B nhận hàng hóa tại kho của bên A đến ngày bên B trả hàng hóa cho bên A.

2/ Hợp đồng thuê thiết bị xây dựng số 02/2011/HĐKT/HƯNG PHÁT TIẾN ngày 12/5/2011 với thỏa thuận: Bị đơn thuê thiết bị xây dựng để phục vụ thi công công trình là 450 Khung 1m53, 200 Khung 0m90, 120 Mâm, 30 Thang với tổng giá trị hợp đồng là 23.166.000 đồng, thời hạn thuê dự kiến là 60 ngày, thời gian thuê tối thiểu là 30 ngày, thời gian thuê thực tế được xác định kể từ ngày bên B nhận hàng hóa tại kho của bên A đến ngày bên B trả hàng hóa cho bên A.

3/ Hợp đồng thuê thiết bị xây dựng số 03/2011/HĐKT/HƯNG PHÁT TIẾN ngày 17/8/2011 với thỏa thuận: Bị đơn thuê thiết bị xây dựng để phục vụ thi công công trình là 1.000 Chéo 1m96, với tổng giá trị hợp đồng là 9.900.000 đồng, thời hạn thuê dự kiến là 60 ngày, thời gian thuê tối thiểu là 30 ngày, thời gian thuê thực tế được xác định kể từ ngày bên B nhận hàng hóa tại kho của bên A đến ngày bên B trả hàng hóa cho bên A.

Số tiền đặt cọc cho 03 hợp đồng nêu trên là 34.520.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng phía nguyên đơn đã giao đủ các thiết bị xây dựng cho Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại HPT nhưng do công trình thi công chậm tiến độ nên đến ngày 06/7/2012 phía bị đơn mới hoàn trả các thiết bị đã thuê, chấm dứt việc thuê thiết bị.

Ngày 25/12/2012 hai bên có lập Bảng tổng hợp công nợ đến ngày 25/12/2012 với nội dung: Tổng số tiền Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại HPT còn nợ sau khi đã trừ đi số tiền đặt cọc 34.520.000 đồng là 64.040.484 đồng.

Ngày 31/12/2012 hai bên lập Biên bản đối chiếu công nợ với nội dung: Tính đến ngày 31/12/2012 Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại HPT còn nợ Công ty Cổ phần Thiết bị xây dựng Đ số tiền 64.040.484 đồng.

Từ đó đến nay, phía bị đơn không thanh toán số tiền nợ nêu trên cho nguyên đơn. Do đó, yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại HPT có nghĩa vụ phải trả cho Công ty Cổ phần Thiết bị xây dựng Đ số tiền còn nợ là 64.040.484 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại HPT thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà không yêu cầu ai khác liên đới cùng bị đơn trả nợ.

Bị đơn Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại HPT đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Thiết bị xây dựng Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại HPT đã được Tòa án đã tống đạt và tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian tham gia phiên phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 và Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn về thời gian tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Tấn P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại HPT thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho mà không yêu cầu ai khác liên đới cùng bị đơn trả nợ nên không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án không xác định thêm người tham gia tố tụng nào khác.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng thuê tài sản, do bị đơn có trụ sở chính tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại Khoản 1 Điều 30, Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về áp dụng pháp luật dân sự: Căn cứ Hợp đồng thuê thiết bị xây dựng số: 01/2011/HĐKT/HƯNG PHÁT TIẾN ngày 22/3/2011, Hợp đồng thuê thiết bị xây dựng số: 02/2011/HĐKT/HƯNG PHÁT TIẾN ngày 12/5/2011 và Hợp đồng

thuê thiết bị xây dựng số: 03/2011/HĐKT/HƯNG PHÁT TIẾN ngày 17/8/2011 thì đây là giao dịch dân sự được xác lập trước ngày 01/01/2017 nhưng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật này để giải quyết theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, các Hợp đồng thuê thiết bị xây dựng số: 01/2011/HĐKT/HƯNG PHÁT TIẾN ngày 22/3/2011, Hợp đồng thuê thiết bị xây dựng số: 02/2011/HĐKT/HƯNG PHÁT TIẾN ngày 12/5/2011 và Hợp đồng thuê thiết bị xây dựng số: 03/2011/HĐKT/HƯNG PHÁT TIẾN ngày 17/8/2011 do hai bên xác lập hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Sau khi ký hợp đồng phía nguyên đơn đã giao đủ các thiết bị xây dựng cho Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại HPT nhưng do công trình thi công chậm tiến độ nên đến ngày 06/7/2012 phía bị đơn mới hoàn trả các thiết bị đã thuê, chấm dứt việc thuê thiết bị. Ngày 25/12/2012 hai bên có lập Bảng tổng hợp công nợ đến ngày 25/12/2012 với nội dung: Tổng số tiền Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại HPT còn nợ sau khi đã trừ đi số tiền đặt cọc 34.520.000 đồng là 64.040.484 đồng. Ngày 31/12/2012 hai bên đã lập Biên bản đối chiếu công nợ với nội dung: Tính đến ngày 31/12/2012 Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại HPT còn nợ nguyên đơn số tiền 64.040.484 đồng. Tuy nhiên, từ khi đối chiếu công nợ đến nay phí bị đơn vẫn không thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Tòa để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Công ty Cổ phần Thiết bị xây dựng Đ yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại HPT phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ là 64.040.484 đồng (sáu mươi bốn triệu, không trăm bốn mươi ngàn, bốn trăm tám mươi bốn đồng) và nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại HPT thực hiện nghĩa vụ trả là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 472, Điều 473, Điều 481 và 482 của Bộ Luật dân sự; Điều 269, Điều 270 và Điều 271 Luật Thương mại.

[5]. Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[6]. Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/12/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 468, Điều 472, Điều 473, Điều 481, Điều 482 và điểm b Khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật dân sự.

Căn cứ vào các Điều 269, Điều 270 và Điều 271 Luật Thương mại;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 180, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 207, Điều 208, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/12/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Thiết bị xây dựng Đ.

Buộc Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại HPT có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Thiết bị xây dựng Đ số tiền nợ là 64.040.484 đồng (sáu mươi bốn triệu, không trăm bốn mươi ngàn, bốn trăm tám mươi bốn đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí sơ thẩm về kinh doanh, thương mại: Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại HPT phải chịu số tiền là 3.202.024 đồng (ba triệu, hai trăm lẻ hai ngàn, không trăm hai mươi bốn đồng).

Công ty Cổ phần Thiết bị xây dựng Đ không phải chịu án phí sơ thẩm về kinh doanh, thương mại; hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Thiết bị xây dựng Đ số tiền 1.601.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số AA/2011/ 02329 ngày 17/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Tiến

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.